Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Sài Gòn
Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Q1, TP.HCM
Điện thoại:388242897 ;Fax:38242997
MST:0301955155

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 4 năm 2010

Đơn vị tính:VNĐ

	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	QUÝ 4		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1	**Doanh thu**	01	**337,056,620,733**	**495,836,544,416**	**1,486,693,265,042**	**1,133,451,687,284**
	Trong đó:					
	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1	37,523,132,301	80,555,515,722	176,043,714,129	196,203,846,337
	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	158,653,152,034	297,920,327,265	727,650,936,168	704,990,066,231
	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3	525,000,000	9,016,800,000	13,140,023,320	9,236,390,000
	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4	-	-	-	-
	Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5	6,207,854,137	46,395,916,826	108,242,078,334	50,301,749,737
	Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6	741,454,793	528,035,998	2,421,084,957	1,756,798,538
	Doanh thu hoạt động ủy thác đấu giá	01.7	-	-	-	-
	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8	177,516,312	220,097,633	811,533,701	666,456,491
	Doanh thu khác	01.9	133,228,511,156	61,199,850,972	458,383,894,433	170,296,379,950
2	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	02	**250,000,000**	-	**250,000,000**	**31,888,000**
3	**Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)**	10	**336,806,620,733**	**495,836,544,416**	**1,486,443,265,042**	**1,133,419,799,284**
4	**Chi phí hoạt động kinh doanh**	11	**227,258,947,282**	**174,482,745,433**	**613,375,692,675**	**218,372,191,137**
	Trong đó:					
	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.1	97,564,280,733	120,978,154,732	397,751,596,568	418,848,907,516
	Chi phí dự phòng chứng khoán	11.2	129,694,666,549	53,504,590,701	215,624,096,107	(200,476,716,379)
5	**Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)**	20	**109,547,673,451**	**321,353,798,983**	**873,067,572,367**	**915,047,608,147**
6	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	25	**3,133,882,527**	**1,787,749,097**	**11,145,589,606**	**6,261,966,451**
7	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)**	30	**106,413,790,924**	**319,566,049,886**	**861,921,982,761**	**908,785,641,696**
8	**Thu nhập khác**	31	**5,671,166,207**	**34,955,202**	**5,826,330,656**	**137,062,842**
9	**Chi phí khác**	32	**4,924,168,454**	**301,990**	**5,638,799,981**	**103,548,166**
10	**Lợi nhuận khác (40=31-32)**	40	**746,997,753**	**34,653,212**	**187,530,675**	**33,514,676**
11	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	50	**107,160,788,677**	**319,600,703,098**	**862,109,513,436**	**908,819,156,372**
12	**Chi phí thuế TNDN hiện hành**	51	**16,259,599,575**	**48,374,729,320**	**191,366,203,464**	**159,723,311,913**
13	**Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	52	**(7,888,203,712)**	**(13,893,705,621)**	**1,434,102,098**	**(13,893,705,621)**
14	**Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)**	60	**98,789,392,814**	**285,119,679,399**	**669,309,207,874**	**762,989,550,080**
15	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	70				

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2011

Người Lập Biểu	Kế Toán Trưởng	P. Tổng Giám Đốc
Đoàn Thị Thu Giang	Hoàng Thị Minh Thủy	Nguyễn Hồng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN